

Số: 530/QĐ-HVTTNVN

Hà Nội, ngày 17 tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt mục tiêu và chuẩn đầu ra
chương trình đào tạo đại học ngành Công tác xã hội

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN THANH THIẾU NIÊN VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 1769/QĐ-TTg ngày 10/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc nâng cấp Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam thành cơ sở giáo dục đại học công lập;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về Chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quy chế đào tạo trình độ đại học ban hành kèm theo Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quy chế đào tạo trình độ đại học của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 380/QĐ-HVTTNVN ngày 01/10/2021 của Giám đốc Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam;

Căn cứ kết quả góp ý, thẩm định của Hội đồng Khoa học và Đào tạo;

Xét đề nghị của phòng Đào tạo và Công tác sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt mục tiêu và chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo đại học ngành Công tác xã hội, mã số: 760101 (có văn bản chi tiết kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ khoá tuyển sinh năm học 2023 - 2024.

Điều 3. Phòng Đào tạo và Công tác sinh viên, Khoa Công tác xã hội và các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Website Học viện;
- Lưu: TC-HC, Khoa CTXH.



GIÁM ĐỐC

TS. Nguyễn Hải Đăng

MỤC TIÊU ĐÀO TẠO VÀ CHUẨN ĐẦU RA TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI

*(Ban hành theo Quyết định số 530/QĐ-HVTTNVN ngày 17 tháng 8 năm 2023
của Giám đốc Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam)*

1. Giới thiệu chung về chương trình đào tạo

- Tên, mã số ngành đào tạo:
 - + Tên tiếng Việt: Công tác xã hội
 - + Tên tiếng Anh: Social work
 - + Mã số ngành đào tạo: 760101
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Thời gian đào tạo chuẩn khoá học: 4 năm
- Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt
- Văn bằng tốt nghiệp: Bằng cử nhân
- Đơn vị đào tạo và cấp bằng: Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân Công tác xã hội có phẩm chất chính trị, trình độ và đạo đức, có kiến thức chuyên môn thực tế vững chắc, kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, kiến thức chuyên sâu về công tác xã hội; có kỹ năng phân tích, tổng hợp, kỹ năng thực hành nghề nghiệp; có khả năng nghiên cứu, phát hiện, trợ giúp cá nhân, nhóm, cộng đồng tự giải quyết những vấn đề của bản thân và xã hội; nghiên cứu các lĩnh vực liên quan đến thanh thiếu nhi, có khả năng làm việc độc lập và ý thức trách nhiệm nghề nghiệp, có khả năng ngoại ngữ và tin học đáp ứng yêu cầu công việc; có ý thức phục vụ nhân dân.

2.2. Các mục tiêu cụ thể

PO1: Có kiến thức cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam, chính sách, pháp luật của Nhà nước vào học tập và các hoạt động nghề nghiệp; có kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật, ngoại ngữ và tin học.

PO2: Có kiến thức để trở thành nhân viên công tác xã hội trong tương lai với các phẩm chất như yêu nghề, có đạo đức nghề, có ý thức trách nhiệm trong học tập, nghiên cứu các vấn đề liên quan đến nghề nghiệp.

PO3: Có kỹ năng trong can thiệp, trợ giúp cá nhân, nhóm, cộng đồng nhằm tăng năng lực tự giải quyết vấn đề của thân chủ, có kỹ năng làm việc nhóm, độc lập, có kỹ mềm để giải quyết các vấn đề trong thực tiễn; có khả năng tự học, nghiên cứu các lĩnh vực của công tác xã hội, phát triển ngành công tác xã hội trong tương lai.

PO4: Có kỹ năng tin học, ngoại ngữ để đáp ứng yêu cầu công việc trong tương lai.

PO5: Đào tạo cử nhân ngành Công tác xã hội có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, vận dụng phù hợp các quy điều đạo đức nghề công tác xã hội trong chuyên môn nghề nghiệp, có năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm, phát triển nghề công tác xã hội trong tương lai.

3. Chuẩn đầu ra

3.1. Chuẩn đầu ra về kiến thức

PLO1: Vận dụng được các kiến thức cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; đường lối, quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam; chính sách, pháp luật của Nhà nước trong học tập, nghiên cứu và làm việc.

PLO2: Vận dụng được kiến thức nền tảng, phương pháp luận, tư duy khoa học xã hội; nghiên cứu khoa học, thống kê trong khoa học xã hội, kỹ năng mềm vào thực hành, nghiên cứu trong lĩnh vực công tác xã hội.

PLO3: Phân tích và vận dụng được các kiến thức về lý thuyết công tác xã hội, hành vi con người và môi trường xã hội, tiến trình công tác xã hội, các chính sách xã hội, hệ thống dịch vụ xã hội, hệ thống phúc lợi xã hội... để trợ giúp cá nhân, nhóm, cộng đồng tự giải quyết các vấn đề của bản thân và xã hội

PLO4: Vận dụng được các phương pháp, tiến trình công tác xã hội để hỗ trợ các cá nhân, nhóm, cộng đồng nhằm giải quyết các vấn đề nảy sinh.

PLO5: Vận dụng được các kiến thức về công tác xã hội để trợ giúp, can thiệp giải quyết các vấn đề liên quan đến trẻ em và thanh thiếu niên.

3.2. Chuẩn đầu ra về kỹ năng

PLO6: Có kỹ năng nhận diện và giải quyết các vấn đề trong thực tế và công việc theo chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; đường lối, quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam; chính sách, pháp luật của Nhà nước; có kỹ năng làm việc nhóm, vận dụng được kỹ năng mềm trong công việc, nghề nghiệp và các mối quan hệ xã hội.

PLO7: Có khả năng vận dụng thế giới quan, phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và các phương pháp nghiên cứu khoa học vào nhận diện, lý giải, nghiên cứu các vấn đề liên quan đến công tác xã hội, áp dụng các kết quả nghiên cứu

khoa học đã được công bố vào thực hành công tác xã hội.

PLO8: Có khả năng lựa chọn biện pháp can thiệp phù hợp với từng đối tượng dựa trên việc vận dụng các phương pháp đánh giá, áp dụng các biện pháp can thiệp cá nhân, nhóm, gia đình, cộng đồng để giải quyết các vấn đề nảy sinh.

PLO9: Có kỹ năng thu hút, vận động sự tham gia của cá nhân, nhóm, cộng đồng, kết nối nguồn lực trong thực hành và làm việc về lĩnh vực công tác xã hội; có kỹ năng xây dựng và quản lý dự án phát triển cộng đồng.

PLO10: Lập được các kế hoạch phát triển nghề nghiệp và triển khai các hoạt động tự học tập. Lựa chọn và sử dụng được các phương pháp học tập, bồi dưỡng kỹ năng nghề nghiệp của bản thân. Tự đánh giá và điều chỉnh bản thân trong quá trình phát triển nghề nghiệp.

PLO11. Người học khi tốt nghiệp đạt trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 3/6 theo Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT ngày 20/02/2014

PLO12. Người học khi tốt nghiệp đạt trình độ tin học văn phòng trình độ cơ bản theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014

3.3. Chuẩn đầu ra về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm (TC)

PLO13: Có lập trường tư tưởng, bản lĩnh chính trị vững vàng; tin tưởng tuyệt đối vào chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; có tinh thần trách nhiệm, tự giác học tập, nghiên cứu.

PLO14: Tự giác, tích cực học hỏi, bổ sung, cập nhật thông tin, kiến thức liên quan đến nghề nghiệp; làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi; có trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; chịu trách nhiệm về công việc được giao;

PLO15: Thực hiện tốt nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp: Xác định được những sai phạm liên quan đến đạo đức nghề nghiệp và đề xuất, lựa chọn giải pháp phù hợp để giải quyết vấn đề; Hướng dẫn, giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ, tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.

4. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

- Là cán bộ trong các cơ quan của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh các cấp từ Trung ương đến địa phương.

- Là cán bộ, chuyên viên trong các cơ quan của ngành Lao động - Thương binh và Xã hội các cấp từ Trung ương đến địa phương.

- Là nhân viên xã hội, chuyên viên, nghiên cứu viên, cán bộ, kiểm huấn viên tại các cơ sở quản lý nhà nước, các tổ chức chính trị xã hội, tổ chức xã hội, các cơ quan nghiên cứu, các cơ sở giáo dục đào tạo, y tế, các tổ chức phi chính phủ, tổ chức quốc tế.

- Là giảng viên, nghiên cứu viên trong các lĩnh vực khác nhau như: sức khỏe, giáo dục, pháp luật, kinh tế, truyền thông, xã hội, văn hoá, môi trường...tại các

cơ sở nghiên cứu và đào tạo có liên quan đến công tác xã hội.

- Là chuyên gia độc lập với vai trò là nhân viên xã hội, kiểm huấn viên, nhà nghiên cứu, chuyên gia tư vấn về công tác xã hội.

- Là chủ các cơ sở trợ giúp, cung cấp dịch vụ cho người yếu thế, thanh thiếu nhi có nhu cầu đặc biệt, tự khởi nghiệp trong các lĩnh vực liên quan đến công tác xã hội, phục vụ cộng đồng

5. Ma trận đóng góp của các học phần vào mức độ đạt được chuẩn đầu ra

5.1 Ma trận đóng góp của chuẩn đầu ra vào mục tiêu chương trình đào tạo

STT	Mã CĐR	PO 1	PO2	PO3	PO4	PO5
1	PLO1	3	2	0	0	2
2	PLO2	0	2	2	0	2
3	PLO3	0	3	2	0	2
4	PLO4	0	2	3	0	2
5	PLO5	0	2	2	0	2
6	PLO6	3	1	2	0	1
7	PLO7	3	0	2	0	1
8	PLO8	0	2	2	0	1
9	PLO9	0	2	3	0	2
10	PLO10	1	2	3	1	2
11	PLO11	2	2	2	3	2
12	PLO12	2	2	2	3	2
13	PLO13	3	1	0	0	1
14	PLO14	0	2	1	0	3
15	PLO15	1	2	3	0	3

Ghi chú: 0: không có đóng góp; 1: đóng góp thấp; 2: đóng góp trung bình; 3: đóng góp cao

TT	HP	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12	PLO 13	PLO 14	PLO 15
19	Cơ sở văn hóa Việt Nam	V	-	-	-	-	C	-	-	V	-	-	-	-	V	-
20	Logic học đại cương	C	-	-	-	-	V	-	-	-	-	-	-	V	-	-
21	Vũ quốc tế	-	-	-	-	-	V	-	-	C	V	-	-	-	C	-
22	Giới và phát triển	-	V	-	T	-	-	V	T	-	T	-	-	-	V	-
23	Nhập môn Công tác xã hội	-	-	C	-	-	-	C	-	-	-	-	-	-	V	V
24	Lý thuyết Công tác xã hội	-	-	C	-	V	-	V	-	-	-	-	-	-	V	T
25	Chính sách xã hội	-	-	V	-	C	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
26	Đạo đức nghề công tác xã hội	-	-	V	-	T	-	C	-	-	T	-	-	-	V	C
27	An sinh xã hội	-	-	V	-	T	-	C	-	-	T	-	-	V	V	-
28	Tham vấn cơ bản	-	-	-	C	V	-	-	C	-	-	-	-	-	C	V
29	Hành vi con người và môi trường xã hội	-	V	C	V	-	-	V	-	-	T	-	-	-	T	T
30	Truyền thông trong công tác xã hội	-	-	C	V	V	-	-	-	C	V	-	-	V	C	V
31	Sức khỏe tâm thần	-	C	-	-	C	-	C	V	-	-	-	-	-	-	T
32	Tâm lý học trường học	-	-	C	-	-	-	-	V	-	-	-	-	V	-	T
33	Công tác xã hội trường học	-	-	-	C	C	-	-	C	V	-	-	-	-	C	C
34	Kỹ năng mềm	-	V	C	C	-	-	C	V	C	V	-	-	-	-	C
35	Tiếng Anh 3	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	C	-	-	V	-
36	Quyền trẻ em và sự tham gia của trẻ em	-	-	V	-	C	-	C	V	-	-	-	-	-	V	C
37	Công tác xã hội trong chăm sóc sức khỏe tâm thần cho thanh thiếu nhi	-	-	V	C	C	-	-	C	-	T	-	-	-	-	V

T.T	HP	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12	PLO 13	PLO 14	PLO 15
38	Tâm lý học truyền thông	-	-	V	C	-	-	-	T	C	-	-	-	-	T	
39	Công tác xã hội với người cao tuổi	-	-	C	C	-	-	-	C	V	-	-	-	-	C	C
40	Giáo dục học đại cương	V	-	V	-	-	T	V	-	-	V	-	-	-	-	V
41	Công tác xã hội cá nhân	-	-	C	V	-	-	-	C	V	-	-	-	-	V	C
42	Công tác xã hội nhóm	-	-	-	C	V	-	-	C		-	-	-	-	V	C
43	Phát triển cộng đồng	-	C	C	V	-	-	-	C	C	V	-	-	-	V	C
44	Quản trị công tác xã hội	-	V	C	-	V	-	-	C	C	V	-	-	-	C	V
45	Công tác xã hội với trẻ em	-	-	V	-	C	-	-	C			-	-	-	V	C
46	Tham vấn trẻ em	-	-	-	-	C	-	-		C	V	-	-	-	C	-
47	Công tác xã hội trong bệnh viện	-	-	-	C	V	-	-	C	V	-	-	-	-	C	C
48	Quản lý trường hợp với người sử dụng ma túy	-	-	-	C	V	-	-	C	V	-	-	-	-	C	C
49	Công tác xã hội với người khuyết tật	-	-	-	C	C	-	-	C	V	-	-	-	-	C	C
50	Tham vấn cho thanh thiếu niên sang chấn và khủng hoảng tâm lý	-	V	C	C	C	-	-	C	-	-	-	-	-	-	V
51	Công tác xã hội với người nghèo	-	-	C	C	C	-	-	C	V	C	-	-	-	C	C
52	Công tác xã hội với người di cư và nạn nhân bị mua bán	-	-	V	C	C	-	-	C	C	V	-	-	-	C	C
53	Công tác xã hội với trẻ em bị ảnh hưởng thiên tai và tai nạn thương tích	-	-	-	C	V	-	-	C	-	-	-	-	-	C	C

TT	HP	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12	PLO 13	PLO 14	PLO 15
54	Giáo dục giới tính và tình dục toàn diện cho thanh thiếu niên	-	-	-	C	V	-	-	C	V	-	-	-	-	C	C
55	Công tác xã hội với người nhiễm và bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS	-	-	C	C	-	-	-	C	V	-	-	-	-	C	C
56	Tham vấn cho trẻ nghiện game, mạng xã hội và nghiện chất	-	-	C	C	V	-	-	V		-	-	-	-	-	V
57	CTXH với cộng đồng người đồng tính, song tính và chuyển giới	-	-	C	C	-	-	-	C	V	-	-	-	-	C	C
58	Thực hành Công tác xã hội cá nhân	-	-	C	C	C	-	-	-	C	C	-	-	-	V	C
59	Thực hành Công tác xã hội nhóm	-	-	V	V	V	-	C	V	-	-	-	-	V	C	-
60	Thực hành phát triển cộng đồng	-	-	C	C	C	-	-	C	C	C	-	-	-	C	C
61	Thực tập tốt nghiệp	V	C	C	C	C	V	V	C	C	C	-	-	V	C	C
62	Khoá luận tốt nghiệp	C	C	C	V	V	T		V	T	V	-	-	V	V	V

Ký hiệu ma trận: C là cao, V là vừa, T là thấp. Học phần (HP)

6. Kế hoạch và cam kết thực hiện Chuẩn đầu ra

6.1. Kế hoạch thực hiện để đạt chuẩn đầu ra:

Để đạt được chuẩn đầu ra trên đây, Học viện xây dựng một số giải pháp chủ yếu thực hiện như sau:

- Tổ chức xây dựng chương trình dạy học đáp ứng chuẩn đầu ra; thường xuyên cập nhật, điều chỉnh chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu của bối cảnh hội nhập quốc tế, của thị trường và nhà tuyển dụng lao động.

- Tổ chức đào tạo, đánh giá kết quả người học và các hoạt động đảm bảo chất lượng một cách nghiêm túc, đúng quy định;

- Đào tạo, tuyển dụng đội ngũ giảng viên cơ hữu và thỉnh giảng đảm bảo đáp ứng yêu cầu về số lượng và chất lượng.

- Đảm bảo có đầy đủ thiết bị, phương tiện phục vụ đổi mới phương pháp giảng dạy và nâng cao chất lượng; đủ giáo trình, tài liệu, phòng thực hành, thí nghiệm phục vụ học tập cho sinh viên. Phối hợp, kết nối chặt chẽ với các cơ quan và nhà tuyển dụng để xây dựng cơ sở thực hành, thực tập, nghiên cứu và tuyển dụng người học.

6.2. Cam kết thực hiện chuẩn đầu ra

Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam cam kết tổ chức đào tạo và đánh giá khách quan kết quả học tập, rèn luyện của học viên theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy chế đào tạo của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam./.

GIÁM ĐỐC



TS. Nguyễn Hải Đăng